TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2022
V/v yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Ông Triệu Khánh Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83A/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thanh T**, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng;

Bị đơn: Anh **Phạm Văn L**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/7/2022, nguyên đơn chị Trần Thanh T trình bày:

Vào năm 2002, chị và anh Phạm Văn L tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng từ đó cho đến nay chị và anh L vẫn chưa có đăng ký kết hôn theo quy định

của pháp luật. Thời gian đầu, chị và anh L chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, được một thời gian thì chị và anh L bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách. Việc mâu thuẫn giữa chị với anh L không ai biết. Đồng thời, giữa chị với anh L đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay.

Trong quá trình sống chung, chị với anh L có 02 người con chung tên: Phạm Thị Phi D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27/3/2003 và Phạm Văn K (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/6/2004. Hiện các cháu đang sống chung với chị.

Nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị với anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố mối quan hệ sống chung giữa chị với anh Phạm Văn L không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Phạm Thị Phi D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27/3/2003 và Phạm Văn K (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/6/2004, hiện các con đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn L đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, đối với bị đơn đều vắng mặt các lần Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đều vắng mặt tại các lần mở phiên tòa xét xử. Cho nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố mối quan hệ sống chung giữa chị Trần Thanh T với anh Phạm Văn L không phải là quan hệ vợ chồng.

Về con chung tên: Phạm Thị Phi D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27/3/2003 và Phạm Văn K (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/6/2004, hiện các con đều đã thành niên và chị T không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra

xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào đơn khởi kiện, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp C, xã L, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, đối với bị đơn anh Phạm Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" là đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Trần Thanh T đối với anh Phạm Văn L, về quan hệ hôn nhân: Việc tranh chấp giữa chị T và anh L là loại kiện hôn nhân và gia đình, chị T và anh L chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý" và tại khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010 quy định "nam nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng". Như vậy, hôn nhân giữa chị Trần Thanh T với anh Phạm Văn L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[5] Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu tuyên bố mối quan hệ sống chung giữa chị với anh L không phải là vợ chồng. Mặt khác, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng..."*.

[6] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số: [1], [2], [3], [4] và [5], Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật

hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa chị Trần Thanh T và anh Phạm Văn L là vợ chồng.

[7] Về con chung tên: Phạm Thị Phi D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27/3/2003 và Phạm Văn K (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/6/2004, hiện các con của chị T và anh L đều đã thành niên và chị T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Chị Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 8 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung của chị Trần Thanh T và anh Phạm Văn L không phải là quan hệ vợ chồng.

2/ Về con chung tên: Phạm Thị Phi D (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27/3/2003 và Phạm Văn K (Giới tính: Nam), sinh ngày 20/6/2004 đều đã thành niên và chị T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí: Chị Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002370, ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Như vậy, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Văn L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- UBND xã C,TX C;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Đua